TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 07 - 01 - 2021
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Minh Hằng và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thủy - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 và Thông báo dời ngày xét xử vụ án dân sự số 01/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Minh N trình bày:

Vào tháng 9 âm lịch năm 2019, ông V có hỏi vay của ông N 9.000.000 đồng thỏa

thuận trả lãi 90.000 đồng/ngày. Khi cho vay tiền do tin tưởng nhau nên các bên không làm giấy tờ biên nhận mà chỉ thỏa thuận miệng. Sau đó ông V không thực hiện đóng lãi và trả vốn, ông N đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông V chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay ông Nyêu cầu Tòa án buộc ông V phải trả số nợ là 9.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông V đều vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/12/2020 ông V có ý kiến trình bày như sau:

Ông V thừa nhận hiện nay có nợ của ông N số tiền 9.000.000 đồng. Khi vay tiền do tin tưởng nhau nên không làm biên nhận. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chưa có khả năng trả nợ.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 02 Biên bản về việc không chấp hành do ấp X xã N lập ngày 15/5/2020 và ngày 15/6/2020.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Quốc V.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về số nợ: Ông N và ông V cùng xác nhận hiện nay ông V có nợ của ông N 9.000.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V trả cho ông N 9.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh pháp luật có tranh chấp giữa các đương sự: Nội dung khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp do vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ hợp đồng dân sự và các đương sự cùng có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, tuy nhiên bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông N khởi kiện yêu cầu ông V trả số nợ 9.000.000 đồng, mặc dù ông N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh về số nợ nhưng lời thừa nhận nợ của ông V trong biên bản ghi lời khai của Tòa án là cơ sở để xác định ông V có nợ của ông N 9.000.000 đồng là sự thật và yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ.

Nội dung khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông N đều yêu cầu ông V trả số nợ vay 9.000.000 đồng. Nhận thấy việc vay tiền các bên có thỏa thuận trả lãi, tuy nhiên ông V không thực hiện đóng lãi và không trả vốn theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay ông N chỉ yêu cầu ông V trả số nợ 9.000.000 đồng và không yêu cầu trả tiền lãi, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự, cần buộc ông V trả nợ cho ông N số tiền 9.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí của vụ án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Án phí ông V phải nộp là: 9.000.000 đồng x 5% = 450.000 đồng

Ông N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 225.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N.

Buộc ông Nguyễn Quốc V phải hoàn trả cho ông Trần Minh N 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí vụ kiện: Ông Nguyễn Quốc V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Trần Minh N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006935 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A , tỉnh Kiên Giang tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 07/01/2021. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm